**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ CAI LẬY**
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 35/2023/HN-ST
Ngày: 26/5/2023
"V/v ***Xin ly hôn***"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hòa Hợp.**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông **Nguyễn Tiến Dũng**;
- Ông **Lê Văn Tánh**;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thanh Thúy –** Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị Xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Trân Quốc Vương** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/QĐST-HNST Ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*: Cao Thị Mỹ N,** sinh năm 2000;

Địa chỉ: ấp Phú H, xã L, thị xã C, tỉnh T.

- ***Bị đơn***: **Huỳnh Trí T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 3, thị xã C, tỉnh T.

(*Chị N có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt*)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ N trình bày:*

Chị và Thông tự nguyện chung sống nhau từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ khi sống chung với nhau hạnh phúc cho đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ nhau, chị cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm để  nhưng mâu thuẫn ngày trầm trọng không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt. Nay thấy tình cảm không còn, không thể sống chung được nên chị xin ly hôn với anh T .

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Trí T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N .

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng chị N , anh T thấy không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Chị N xin được ly hôn với anh T . Tuy nhiên, anh chị sống chung mà không có đăng ký kết hôn nên vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị là có cơ sở.

Về con chung: Không có, không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng của Chị N và anh T .

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về tố tụng***: Chị N và anh T tự nguyện sống chung với nhau năm 2021, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

***[2] Về nội dung:*** Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai Chị N yêu cầu ly hôn với anh T do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ nhau, chị cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm để nhưng mâu thuẫn ngày trầm trọng không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Tòa án nhiều lần mời anh T đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị N , anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, chị N , anh T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố

không công nhận quan heä giữa chị Cao Thị Mỹ N và anh Huỳnh Trí T là vợ chồng phù hợp với Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

***[3] Về con chung***: Không có.

***[4] Về tài sản chung và nợ chung***: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

***[5]*** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

***[6] Về án phí***: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên.,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Cao Thị Mỹ N và anh Huỳnh Trí T là vợ chồng.

- ***Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:***

Chị Cao Thị Mỹ N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002734 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chị N , anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.c. THADS TX Cai Lậy ;
- Ñöông söï (ñeå thi haønh);
- UBND xã Long Khánh;.
- Löu hoà sô.

**Nguyễn Hòa Hợp**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 5 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Tiến Dũng;**

+ Ông **Lê Văn Tánh;**

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc " Tranh chấp xin ly hôn" giữa:

- ***Nguyên đơn*: Cao Thị Mỹ N,** sinh năm 2000;

Địa chỉ: ấp Phú H, xã L, thị xã C, tỉnh T.

- ***Bị đơn***: **Huỳnh Trí T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 3, thị xã C, tỉnh T.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp**: "Xin ly hôn, nuôi con chung".

Biểu quyết: thống nhất 3/3

**2. Văn bản và điều luật áp dụng:**

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: thống nhất 3/3.

**3. Nội dung tranh chấp:**

**Xử:**

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Cao Thị Mỹ N và anh Huỳnh Trí T là vợ chồng.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

**4. Các vấn đề khác:**

- ***Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:***

Chị Cao Thị Mỹ N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai

thu số 0002734 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh T.

Chị N , anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 26 tháng 5 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

| **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** | **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |
| --- | --- |
| *(Ký tên, ghi rõ họ tên)* | *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |